

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày: 22-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Nguyễn Yến Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Đức Tâm

Ông Phạm Thành Đồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

**VÕ ĐỨC M (M1)**, sinh năm 1994 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không rõ) và bà Võ Thị T, sinh năm 1964; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/5/2020. (Có mặt)

**- Bị hại:**

1. Ông Trần Văn Y, sinh năm 1971

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1966

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tất cả bị hại đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Cao Võ Thanh T, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**- Người làm chứng:**

1. Anh Phan Văn K, sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 888, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Phan Thành T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 27/3/2020 đến ngày 28/4/2020 Võ Đức M thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện G như sau:

Vụ thứ nhất: hàng ngày Võ Đức M đi ngang nhà ông Trần Văn Y, sinh năm 1971, ở ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre nên M biết ông Y có nuôi 02 con chim chìa vôi treo trên tường rào bên hông nhà gần cổng hàng rào. Vào khoảng 21 giờ ngày 27/3/2020, sau khi chơi game tại tiệm game gần vòng xoay xã B, huyện G, M nảy sinh ý định trộm cắp chim chìa vôi nhưng không có xe đi nên M giả vờ rủ Phan Văn K, sinh năm 1996, đăng ký thường trú ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre chở đi soi cá, K đồng ý. Sau đó, M điều khiển xe mô tô biển số 53X8-9651 chở K đến nhà ông Y, M kêu K ở ngoài đợi (K không biết M đi trộm chim chìa vôi của ông Y), M dùng cây chĩa chuẩn bị trước đó cầm một đầu, đầu còn lại đưa qua khe hở cổng rào rồi nâng lồng chim bằng gỗ bên trong có 01 con chim chìa vôi mang ra ngoài để trên ba ga xe mô tô rồi điều khiển chở K về nhà M cất giấu. Sau đó, M mượn xe mô tô của K (K không biết M đi trộm) điều khiển đến nhà ông Y tiếp tục trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Y, M dùng đoạn gỗ tầm vong M nhặt trên đường rồi dùng cách thức như trên để lấy trộm lồng gỗ thứ hai bên trong có 01 con chim chìa vôi mang về nhà cất giấu. M đem một lồng chim bên trong có 01 con chim chìa vôi cầm cho Cao Võ Thanh T, sinh năm 1993 đăng ký thường trú ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre với số tiền 300.000 đồng, còn lồng chim và con chim chìa vôi còn lại M gửi cho Nguyễn Hữu C, sinh năm 1992 đăng ký thường trú ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (anh T và anh C không biết tài sản do M trộm cắp mà có).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 lồng chim, 02 con chim chìa vôi; ông Y đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, kết luận: 02 lồng chim và 02 con chim chìa vôi có tổng giá trị 9.100.000 đồng.

Vụ thứ 2: khoảng 16 giờ ngày 20/4/2020, Võ Đức M đi bộ đến nhà anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980, ở ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre phát hiện 03 lồng chim bên trong mỗi lồng có 01 con chim cu treo trên mái nhà không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. M dùng cây chĩa của anh L dựng ở góc xoài và đưa chĩa lên lấy 02 lồng chim trong mỗi lồng có 01 con chim cu. Sau khi lấy trộm trên đường về đến khu vực Nhà trọ A P thuộc xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, M bán 02 lồng chim và 02 con chim cu cho một thanh niên không rõ lai lịch với giá 200.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, kết luận: 02 lồng chim và 02 con chim cu có tổng giá trị 3.600.000 đồng.

Quá trình điều tra, M và anh Nguyễn Văn L đã thỏa thuận bồi thường 02 con chim cu và 02 lồng chim với số tiền 3.600.000 đồng, M chưa bồi thường.

Vụ thứ 3: khoảng 16 giờ ngày 28/4/2020, Võ Đức M đi bộ đến nhà ông Lê Ngọc H, sinh năm 1966, ở ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nghe tiếng gà gáy bên trong nhà nên M nảy sinh ý định bắt trộm. M đến nhà sau đẩy mạnh làm bung khóa rồi đột nhập vào nhà bắt trộm 02 con gà trống, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 của ông H đang sạc pin để trên bàn gỗ nhà sau rồi mang đến nhà Phan Thành T tại ấp T, xã T, huyện G gửi, sau đó bị Công an xã T phát hiện và thu giữ 02 con gà trống và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2. Công an xã đã trả lại cho ông H các tài sản nói trên. Ông H không yêu cầu M bồi thường gì khác.

Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 29/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, kết luận 02 con gà trống nòi và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 có tổng giá trị 2.742.500 đồng.

Vật chứng vụ án hiện Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 cây gỗ tầm vong, dài 6,30m; 01 cây chia bằng gỗ trúc dài 2,85m bị gãy thành 02 đoạn, 01 đoạn dài 0,54m có gắn 03 mũi chia bằng kim loại dài 12cm, đoạn còn lại dài 2,31m; 01 cái áo khoác bằng vải thun 02 lớp, mặt ngoài nền vải màu đỏ, mặt trong nền áo màu xanh.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSGT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Võ Đức M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa:*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: tuyên bố bị cáo Võ Đức M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Đức M từ 1 năm đến 2 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự: ghi nhận các bị hại Trần Văn Y và Lê Ngọc H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác. Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Võ Thanh T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.000 đồng đã cầm 01 lồng chim bên trong có 01 con chim chia vôi của bị cáo. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn L 3.600.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: 01 cây gỗ tầm vong dài 6,30m; 01 cây chia bằng gỗ trúc dài 2,85m, bị gãy thành hai đoạn, 01 đoạn dài 0,54m có gắn 03 mũi chia bằng kim loại dài 12cm, đoạn còn lại dài 2,31m; 01 áo khoác bằng vải thun 02 lớp, mặt ngoài nền vải màu đỏ, mặt trong nền áo màu xanh.

Bị cáo Võ Đức M khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng và phân trách nhiệm dân sự đã được thỏa thuận giải quyết xong nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Võ Đức M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 27/3/2020 đến ngày 28/4/2020, Võ Đức M đã một mình thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã B và xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

Vào tối ngày 27/3/2020, tại nhà ông Trần Văn Y ở ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Y 02 con chim chìa vôi và 02 lồng chim. Kết quả định giá tài sản xác định, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại Y có giá trị là 9.100.000 đồng.

Vào khoảng 16 giờ ngày 20/4/2020, tại nhà anh Nguyễn Văn L ở ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại L 02 con chim cu và 02 lồng chim. Kết quả định giá tài sản xác định, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại L có giá trị là 3.600.000 đồng.

Vào khoảng 16 giờ ngày 28/4/2020, tại nhà ông Lê Ngọc H ở ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại H 02 con gà trống nòi và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2. Kết quả định giá tài sản xác định, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại H có giá trị là 2.742.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Võ Đức M chiếm đoạt của các bị hại Trần Văn Y, Nguyễn Văn L và Lê Ngọc H là 15.442.500 đồng.

[4] Bị cáo Võ Đức M là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân có giá trị trên 2.000.000 đồng nhưng chưa đến 50.000.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Võ Đức M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất

trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Mặc dù nhân thân của bị cáo được xác định không có tiền án, tiền sự nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo đã 03 lần bị Tòa án kết án về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa) và 02 lần bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng cùng về hành vi trộm cắp tài sản (đã được xóa) nhưng bị cáo không từ bỏ mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo từng nhiều lần chấp hành án phạt tù giam (9 tháng, 1 năm, 2 năm) cùng về tội Trộm cắp tài sản vào các năm 2013, 2016; lẽ ra từng trải qua thời gian cải tạo, giáo dục thì bị cáo phải trở thành một công dân có ích cho xã hội; nhưng với ý thức xem thường pháp luật, muốn nhanh chóng có tài sản để phục vụ lợi ích cá nhân, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: có thái độ khai báo thành khẩn, gia đình của bị cáo là gia đình chính sách có công với đất nước theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét về hoàn cảnh kinh tế, bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Trần Văn Y và Lê Ngọc H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, cụ thể: bị hại Trần Văn Y đã nhận lại 02 con chim chìa vôi và 02 lồng chim, bị hại Lê Ngọc H đã nhận lại 02 con gà trống nòi và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 và hiện các bị hại không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Bị hại Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt do không thu hồi được là 3.600.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại L nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Võ Thanh T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.000 đồng đã cầm 01 lồng chim bên trong có 01 con chim chìa vôi của bị cáo nên ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án hiện đang thu giữ, bao gồm: 01 cây gỗ tâm vong dài 6,30m; 01 cây chia bằng gỗ trúc dài 2,85m, bị gãy thành hai đoạn, 01 đoạn dài

0,54m có gắn 03 mũi chĩa bằng kim loại dài 12cm, đoạn còn lại dài 2,31m; 01 áo khoác bằng vải thun 02 lớp, mặt ngoài nền vải màu đỏ, mặt trong nền vải màu xanh. Xét thấy, đây là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với Phan Văn K có hành vi dùng xe mô tô chở bị cáo đến địa điểm trộm tài sản nhưng không biết việc bị cáo đi trộm cắp tài sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Đối với hành vi không tố giác tội phạm của Phan Văn K, do bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo Điều 390 Bộ luật Hình sự đối với K.

[12] Đối với Cao Võ Thanh T, Nguyễn Hữu C và Phan Thành T có hành vi tiêu thụ và chứa chấp các tài sản mà bị cáo trộm được, tuy nhiên họ không biết các tài sản là do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[13] Đối với hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thanh Bình có giá trị 1.850.000 đồng và chiếm đoạt của Nguyễn Thành Tân tài sản có giá trị 1.700.000 đồng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an huyện G, tỉnh Bến Tre xử lý vi phạm hành chính là phù hợp.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Võ Đức M phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Võ Đức M (M1) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Võ Đức M (M1) 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 01/5/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Võ Đức M bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn L số tiền 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cây gỗ tầm vong dài 6,3m;

- 01 (một) cây chia bằng gỗ trúc dài 2,85m, bị gãy thành hai đoạn, 01 đoạn dài 0,54m có gắn 03 mũi chĩa bằng kim loại dài 12cm, đoạn còn lại dài 2,31m;

- 01 (một) áo khoác bằng vải thun 02 lớp, mặt ngoài nền vải màu đỏ, mặt trong nền vải màu xanh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/9/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre quản lý)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Đức M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Võ Đức M được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện G (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện G (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện G (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện G (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, huyện G (1b);
- Bị cáo, các bị hại, NCQLNVLQ (5b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Nguyễn Yến Phương**